HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ CA-NA-ĐA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ CA-NA-ĐA,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do từng Nước ký kết đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm cả các loại thuế đối với lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, cũng như thuế đánh vào phần vốn tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. trong trường hợp của Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế lợi tức;

(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. trong trường hợp của Ca-na-đa:

các loại thuế thu nhập do Chính phủ Ca-na-đa thu theo Đạo luật Thuế thu nhập;

(dưới đây được gọi là "thuế Ca-na-đa").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế được ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a) từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và, khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là lãnh thổ Việt nam, bao gồm cả:

(i) bất kỳ vùng nào ở ngoài lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp quốc tế và các luật của Việt nam, là một vùng ở đó Việt nam có thể thực hiện các quyền đối với đáy biển, tầng đất dưới đáy biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó;

(ii) vùng biển và vùng trời ở trên từng vùng được nêu tại điểm (i) đối với bất kỳ hoạt động nào được tiến hành có liên quan đến việc thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên được đề cập tại điểm trên;

b) từ "Ca-na-đa" được dùng trong nghĩa địa lý, có nghĩa là lãnh thổ Ca-na-đa, bao gồm cả:

(i) bất kỳ vùng nào ở ngoài lãnh hải Ca-na-đa mà theo luật pháp quốc tế và các luật của Ca-na-đa, là một vùng ở đó Ca-na-đa có thể thực hiện các quyền đối với đáy biển, tầng đất dưới đáy biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó;

(ii) vùng biển và vùng trời ở trên từng vùng được nêu tại điểm (i) đối với bất kỳ hoạt động nào được tiến hành có liên quan đến việc thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên thiên được đề cập tại điểm trên;

c) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Ca-na-đa tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty, tổ chức hùn vốn và bất kỳ tổ chức nào khác;

e) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ một tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f) thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và các hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận là đối tượng đó theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam là Bộ trưởng Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

(ii) trong trường hợp đối với Ca-na-đa là Bộ trưởng Bộ Thu Ngân sách Quốc gia hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

i) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ hành trình của tàu thủy hoặc máy bay nào để vận chuyển hành khách hay tài sản trừ khi mục đích chính của hành trình này là để vận chuyển hành khách hay tài sản giữa những địa điểm trong một Nước ký kết.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký, trụ sở thành lập hoặc bất cứ tiêu chuẩn nào khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b) nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c) nếu cá nhân đó thường sống tại cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một công ty là một đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó thân phận cư trú của công ty này sẽ được xác định như sau:

a) công ty sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà công ty đó mang quốc tịch;

b) nếu công ty mang quốc tịch của cả hai Nước thì công ty này sẽ là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của công ty.

4/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân hay công ty, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết vấn đề này bằng thỏa thuận chung và xác định hình thức áp dụng Hiệp định đối với đối tượng như vậy.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a) trụ sở điều hành;

b) chi nhánh;

c) văn phòng;

d) nhà máy;

e) xưởng; và

f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm nào khác liên quan đến việc thăm dò hay khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a) một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát có liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hoặc các hoạt động đó kéo dài hơn sáu tháng;

b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp thực hiện thông qua người làm công cho xí nghiệp hay một đối tượng khác tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trong trường hợp những hoạt động mang tính chất nói trên (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) diễn tiến trong nước trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày sản phẩm hoặc hàng hóa của xí nghiệp;

b) việc duy trì kho sản phẩm hoặc hàng hóa của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho sản phẩm hoặc hàng hóa của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua sản phẩm hoặc hàng hóa hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị cho xí nghiệp;

f) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) đến (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định phát xuất từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập như được áp dụng trong khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho sản phẩm hoặc hàng hóa, từ đó đối tượng trên thường xuyên thực hiện việc giao sản phẩm hoặc hàng hóa đại diện cho xí nghiệp.

6/ Mặc dù đã có các quy định trên của Điều này, một doanh nghiệp bảo hiểm của một Nước ký kết sẽ, trừ trường hợp tái bảo hiểm, được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu nó thu phí bảo hiểm tại lãnh thổ của Nước kia hay bảo hiểm các rủi ro nằm tại Nước đó thông qua một đối tượng không phải là đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập hay chỉ vì xí nghiệp đó duy trì tại Nước kia một kho sản phẩm hoặc hàng hóa với một đại lý có tư cách độc lập mà từ kho hàng đó đại lý này thực hiện giao hàng, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi toàn bộ hay hầu như toàn bộ các hoạt động của đại lý được thực hiện cho xí nghiệp thì đối tượng sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật thuế của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật về điền sản, quyền sử dụng bất động sản, và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, các nguồn khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác, và đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng các tài sản đó.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh hoặc đã hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép tính vào các khoản chi phí được trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để được phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của cơ sở ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của cơ sở ngân hàng.

4/ Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan tới việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng trong các trường hợp mà thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để xác định lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện là luật này sẽ được áp dụng phù hợp với các nguyên tắc tại Điều này, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép.

5/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

6/ Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua sản phẩm hoặc hàng hóa cho xí nghiệp.

7/ Theo nội dung những khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp tính.

8/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VÀ VẬN TẢI BIỂN

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và tại Điều 7, lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hành trình của tàu thủy hay máy bay trong trường hợp mục đích chính của hành trình là để vận chuyển hành khách hay tài sản giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Những quy định tại khoản 1 và 2 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

4/ Theo nội dung của Điều này, lợi tức từ hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế bao gồm cả:

a) thu nhập từ việc cho thuê tàu thủy hay máy bay trống; và

b) lợi tức từ việc sử dụng, bảo dưỡng hoặc cho thuê các công-ten-nơ (kể cả khoang moóc và thiết bị kèm theo phục vụ cho việc vận chuyển công-ten-nơ) dùng để vận chuyển sản phẩm hoặc hàng hóa,

Khi việc cho thuê, sử dụng hay bảo dưỡng như trên, tùy từng trường hợp, có tính chất phụ kèm theo hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

1/ Khi:

a) một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn bị một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2/ Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của một xí nghiệp tại Nước đó-và đánh thuế tương ứng-các khoản lợi tức mà một xí nghiệp của Nước kia đã bị đánh thuế tại Nước kia và các khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp của Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện lập ra giữa các xí nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết sẽ điều chỉnh các khoản thuế đánh tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

3/ Một Nước ký kết sẽ không thay đổi thu nhập của một xí nghiệp trong những hoàn cảnh được nêu tại khoản 1 sau khi đã hết thời hạn được qui định tại các luật quốc gia và, trong bất kỳ trường hợp nào sau 5 năm kể từ ngày cuối cùng trong năm mà thu nhập lẽ do xí nghiệp thu được ra phải chịu điều chỉnh nếu không có các điều kiện được nêu tại khoản 1.

4/ Các quy định của khoản 2 và 3 sẽ không áp dụng trong trường hợp lừa dối, cố tình gian lận hay sao lãng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận tiền lãi cổ phần là đối tượng thực hưởng thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty kiểm soát ít nhất 70 phần trăm quyền bỏ phiếu của công ty chia lãi cổ phần;

b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty kiểm soát ít nhất 25 phần trăm nhưng dưới 70 phần trăm quyền bỏ phiếu của công ty trả lãi cổ phần; và

c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Các quy định của khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần "jouissance" hay các quyền lợi "jouissance", cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác không phải là các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế giống như thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá

nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên . Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được các khoản lợi tức hay thu nhập từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh bất kỳ loại thuế nào đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù có những quy định của khoản 2:

a) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả liên quan đến các khoản nợ Chính phủ của Nước đó hay của các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, với điều kiện khoản lãi từ tiền cho vay này do một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thực hưởng;

b) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước kia nếu khoản lãi này được trả liên quan đến khoản tiền cho vay được bảo lãnh hay bảo đảm hay khoản tín dụng được cho vay, bảo lãnh hay bảo hiểm bởi bất kỳ một tổ chức nào mà vốn của tổ chức này do Chính phủ của Nước kia sở hữu toàn bộ, và được quy định và thỏa thuận trong thư trao đổi giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và đặc biệt là khoản thu nhập từ các chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái khoán, kể cả các khoản tiền thưởng và khoản tiền phụ trội kèm theo các khoản chứng khoán, trái phiếu hoặc trái khoán đó cũng như các loại thu nhập chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế giống như thu nhập từ tiền cho vay theo các luật của Nước nơi thu nhập phát sinh. Tuy nhiên, thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" không bao gồm thu nhập đã được điều chỉnh ở Điều 10.

5/ Những quy định tại khoản 2 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết đồng thời xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN VÀ PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1/ Tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi các khoản tiền đó phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận tiền là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá:

a) trong trường hợp tiền bản quyền, 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền đó;

b) trong trường hợp phí dịch vụ kỹ thuật, 7,5 phần trăm tổng số tiền phí đó.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, (kể cả các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào đối với phim điện ảnh, kịch bản phim, băng hay các phương tiện tái bản dùng cho phát thanh và truyền hình), bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hay khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được dùng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào trả cho một đối tượng, trừ trường hợp trả cho người làm thuê của đối tượng trả tiền, có liên hệ tới các hoạt động mang tính chất dịch vụ kỹ thuật, quản lý và tư vấn được thực hiện tại Nước ký kết nơi đối tượng trả tiền là đối tượng cư trú.

5/ Những quy định tại khoản 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi

có khoản tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền, tài sản hay hợp đồng có các khoản tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy theo từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật chính là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở Nước ký kết kia một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, thì khoản tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác khoản tiền bản quyền hay phí dịch vụ kỹ thuật được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết đồng thời xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, hoặc động sản liên quan đến hoạt động của tàu thủy hay máy bay này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

4/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng cổ phần của một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản được nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 có thể bị đánh thuế tại cả hai Nước ký kết theo các luật có liên quan của hai Nước đó.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi nếu đối tượng đó thường xuyên có một cơ sở cố định ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động của mình. Nếu đối tượng đó có một cơ sở cố định như vậy, thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ đối với phần thu nhập được phân bổ cho cơ sở cố định đó.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18 và 19 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu :

a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hay kết thúc trong năm tài chính liên quan, và

b) chủ lao động hay người đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c) số tiền thù lao không phải do một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia trả.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ công việc làm trên tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành sẽ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó trừ khi tiền công này do đối tượng của Nước ký kết kia thu được.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho thành viên của ban giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, nghệ sĩ, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động trình diễn cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3/ Các quy định của khoản 2 sẽ không áp dụng nếu xác định được rằng không có người biểu diễn hoặc vận động viên hay các đối tượng có liên quan nào tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào khoản lợi tức của đối tượng được nêu tại khoản đó.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng cho thu nhập thu được từ các hoạt động trình diễn tại một Nước ký kết do đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thực hiện trong khuôn khổ của chuyến viếng thăm tại Nước thứ nhất của một tổ chức phi lợi nhuận của Nước kia với điều kiện chuyến viếng thăm này chủ yếu được quỹ công tài trợ.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU VÀ NIÊN KHOẢN

1/ Tiền lương hưu và niên khoản phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tiền lương hưu phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước nơi chúng phát sinh và theo luật của Nước đó. Tuy nhiên trong trường hợp các khoản chi trả lương hưu định kỳ, ngoài các khoản tiền được trả theo pháp luật bảo hiểm xã hội tại một Nước ký kết, thuế được tính khi đó sẽ không quá 15 phần trăm tổng số các khoản tiền này.

3/ Niên khoản phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước nơi chúng phát sinh và theo các luật của Nước đó.

4/ Mặc dù đã có bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, tiền cấp dưỡng và các khoản tiền tương tự khác phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia mà đối tượng đó phải chịu thuế tại Nước kia đối với khoản tiền này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/ a. Tiền lương, tiền công và khoản tiền thù lao tương tự, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nước đó hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương tại bất kỳ Nước nào khác sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất.

b. Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công, hoặc các khoản tiền thù lao tương tự này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) đã không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ Các quy định của khoản 1 sẽ không áp dụng đối với tiền thù lao cho các dịch vụ liên quan đến việc kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hay cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN

Những khoản tiền mà một sinh viên, thực tập sinh hay học sinh học nghề nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên, thực tập sinh hay học sinh học nghề này ngay trước khi đến một Nước ký kết đã hoặc đang là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước đó.

ĐIỀU 21

THU NHẬP KHÁC

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2, những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, bất kể phát sinh từ đâu, chưa được đề cập đến trong các Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Tuy nhiên, nếu thu nhập đó do đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ các nguồn tại Nước ký kết kia thì thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước nơi thu nhập đó phát sinh và theo luật của Nước đó. Trường hợp thu nhập đó là thu nhập từ một di sản hay quỹ tín thác, trừ quỹ tín thác mà các khoản đóng góp vào quỹ tín thác được trừ khỏi thu nhập chịu thuế, thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 15 phần trăm tổng số thu nhập, với điều kiện là thu nhập đó bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng thực hưởng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 22

CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Trong trường hợp của Việt nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau: trường hợp một đối tượng cư trú tại Việt nam nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Ca-na-đa, Việt nam sẽ cho phép khấu trừ số thuế tính trên thu nhập của đối tượng đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Ca-na-đa. Tuy nhiên, khoản thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế thu nhập phân bổ trên thu nhập có thể bị đánh thuế tại Ca-na-đa, như đã được tính trước khi cho phép trừ.

2/ Trong trường hợp của Ca-na-đa, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a) thể theo các quy định hiện hành tại luật của Ca-na-đa về việc cho trừ số thuế đã nộp tại một lãnh thổ ngoài Ca-na-đa vào thuế phải nộp tại Ca-na-đa và bất kỳ sửa đổi sau này liên quan đến các quy định đó - mà việc sửa đổi sẽ không ảnh hưởng tới các nguyên tắc chung của luật - và trừ khi số thuế được trừ hoặc miễn giảm, được quy định lớn hơn theo các luật của Ca-na-đa, số thuế phải nộp tại Việt nam tính trên lợi tức, thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh tại Việt nam sẽ được trừ vào bất kỳ số thuế phải nộp nào tại Ca-na-đa đối với các khoản lợi tức, thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó;

b) thể theo các quy định hiện hành tại luật của Ca-na-đa về hình thức thuế đối với thu nhập thu từ công ty con ở nước ngoài và bất kỳ sửa đổi sau này liên quan đến các quy định đó - mà việc sửa đổi sẽ không ảnh hưởng tới các nguyên tắc chung của luật - để tính thuế Ca-na-đa, một công ty là đối tượng cư trú của Ca-na-đa sẽ được phép khấu trừ, khi tính thu nhập chịu thuế của công ty, bất kỳ khoản tiền lãi cổ phần nào do công ty nhận được từ lợi nhuận được miễn của một công ty con ở nước ngoài là đối tượng cư trú của Việt nam; và

c) trường hợp, phù hợp với bất kỳ quy định nào của Hiệp định, thu nhập do một đối tượng cư trú của Ca-na-đa nhận được được miễn thuế tại Ca-na-đa, tuy nhiên, khi tính số thuế trên thu nhập khác, Ca-na-đa có thể tính đến khoản thu nhập được miễn đó.

Thuật ngữ "lợi nhuận được miễn" sẽ có nghĩa như được nêu tại Đạo luật Thuế thu nhập của Ca-na-đa.

3/ Theo nội dung của điểm a) khoản 2, số thuế do một công ty chủ yếu tham gia vào lĩnh vực sản xuất hay lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và công ty là đối tượng cư trú của Ca-na-đa, phải nộp tại Việt nam đối với:

a) lãi từ tiền cho vay, trừ lãi từ tiền cho vay được miễn tại Việt nam phù hợp với khoản 3 Điều 11, hay

b) các khoản thanh toán dưới bất kỳ dạng nào để trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng bất kỳ bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, quy trình hay công thức bí mật hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp hay khoa học,

được trả bởi một công ty chủ yếu tham gia trong cùng một lĩnh vực hoạt động như đã nêu mà công ty là một đối tượng cư trú của Việt nam, sẽ được coi là đã nộp ở mức 10 phần trăm tổng số tiền thanh toán đó. Các quy định của khoản này sẽ áp dụng trong 5 năm đầu tiên kể từ năm Hiệp định có hiệu lực thi hành, song các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể tham khảo với nhau để xác định thời hạn này có được kéo dài hay không.

4/ Theo nội dung điểm a) khoản 2, số thuế mà một công ty là đối tượng cư trú của Ca-na-đa phải nộp tại Việt nam đối với lợi tức được phân bổ cho các hoạt động sản xuất hay thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên do công ty đó tiến hành tại Việt nam sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản thuế nào lẽ ra phải nộp thuế Việt nam cho bất kỳ năm nào nhưng do được phép miễn hay giảm thuế trong năm đó hay trong một thời gian theo các quy định cụ thể của luật pháp Việt nam và luôn luôn với điều kiện là nhà chức trách có thẩm quyền của Việt nam phải xác nhận rằng việc miễn hay giảm thuế Việt nam được ban hành tại các quy định đó là để khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam. Việc miễn trừ vào số thuế Ca-na-đa theo nghĩa của khoản này sẽ chỉ được thực hiện trong giai đoạn 10 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

5/ Theo nghĩa của Điều này, lợi tức, thu nhập hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia phù hợp với Hiệp định này sẽ được coi là phát sinh từ các nguồn tại Nước kia.

ĐIỀU 23

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn hình thức thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự.

3/ Không có nội dung nào tại Điều này sẽ được giải thích là buộc một Nước ký kết cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ các khoản miễn thu hay các khoản miễn thuế và giảm thuế nào khi tính đến thân phận dân sự hay trách nhiệm gia đình mà Nước đó dành cho các đối tượng cư trú của mình được hưởng.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang và có thể được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất mà toàn bộ hay một phần vốn của chúng là do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước thứ ba sở hữu hay kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp.

5/ Tại Điều này, thuật ngữ "hình thức thuế" có nghĩa là các loại thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 24

CÁC THỦ TỤC THỎA THUẬN CHUNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể gửi tới nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng là đối tượng cư trú đơn khiếu nại nêu ra các lý do về việc yêu cầu xét lại hình thức thuế đó, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Để có thể được chấp thuận, đơn nói trên phải nộp trong thời hạn 2 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền được nêu tại khoản 1 sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này.

3/ Một Nước ký kết sẽ, sau thời hạn được quy định tại các luật quốc gia và trong bất cứ trường hợp nào sau 5 năm kể từ ngày kết thúc thời gian tính thuế mà thu nhập có liên quan phát sinh trong thời gian đó, không mở rộng diện tính thuế của đối tượng cư trú của một trong hai Nước ký kết bằng cách gộp vào diện tính thuế các khoản thu nhập cũng đã bị đánh thuế tại Nước kia. Khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp lừa dối, cố tình gian lận hay sao lãng.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này.

5/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể tham vấn trực tiếp với nhau để tránh đánh thuế hai lần trong những trường hợp không được quy định tại Hiệp định và có thể trực tiếp liên hệ với nhau với mục đích để áp dụng Hiệp định.

ĐIỀU 25

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, thi hành luật lệ hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b) cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

3/ Nếu thông tin do một Nước ký kết đề nghị phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ cố gắng thu thập những thông tin liên quan đến đề nghị đó như theo yêu cầu của chế độ quản lý thuế của Nước kia đòi hỏi mặc dù trên thực tế, tại thời điểm đó Nước kia không cần các thông tin như vậy. Nếu nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có đề nghị cụ thể, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia sẽ cố gắng cung cấp thông tin theo Điều này theo hình thức yêu cầu như bản liệt kê những chứng cứ và các bản sao hồ sơ gốc chưa bị sửa đổi (bao gồm sách, công văn, báo cáo, sổ sách và chứng từ, tài khoản kế toán hay các văn bản), trong phạm vi như là những chứng cứ và hồ sơ đó có thể được thu nhận theo quy định tại các luật và biện pháp hành chính thông thường của Nước kia đối với các loại thuế của chính Nước đó.

ĐIỀU 26

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

1/ Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc các viên chức lãnh sự theo những quy tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

2/ Mặc dù đã có các quy định của Điều 4, một cá nhân là thành viên của phái đoàn ngoại giao, lãnh sự hay phái đoàn thường trực của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia hoặc tại một Nước thứ ba, theo nghĩa của Hiệp định này sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước bổ nhiệm nếu đối tượng đó cũng có các nghĩa vụ về thuế trên tổng thu nhập như các đối tượng cư trú của Nước đó.

3/ Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan quốc tế, hay viên chức của tổ chức và cơ quan đó và các thành viên của một phái đoàn ngoại giao, lãnh sự hay phái đoàn thường trực của một Nước thứ ba hay của một nhóm các Nước đang có mặt tại một Nước ký kết, và họ không có cùng các nghĩa vụ về thuế thu nhập như các đối tượng cư trú của một trong hai ký kết.

ĐIỀU 27

HIỆU LỰC

1/ Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo các luật của từng Nước để đưa Hiệp định này vào hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo sau cùng.

2/ Các quy định của Hiệp định sẽ có hiệu lực thi hành:

a) đối với thuế khấu trừ tại nguồn thu trên các khoản chi trả hay khấu trừ cho đối tượng không phải là đối tượng cư trú vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch sau năm Hiệp định có hiệu lực; và

b) đối với các loại thuế khác trong các năm thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch sau năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 28

KẾT THÚC HIỆP ĐỊNH

Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết kết thúc. Từng Nước ký kết có thể kết thúc Hiệp định bằng cách, thông qua đường ngoại giao, gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định vào ngày hoặc trước ngày 30 tháng 6 trong bất kỳ năm dương lịch nào kể từ năm thứ 5 sau năm Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp đó, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với thuế khấu trừ tại nguồn thu trên các khoản chi trả hay khấu trừ cho đối tượng không phải là đối tượng cư trú vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc; và

b) đối với các loại thuế khác trong các năm thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại .....Hà Nội..... ngày 14 tháng 11 năm một nghìn chín trăm chín mươi lăm bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị ngang nhau.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

TM.CHÍNH PHỦ
CA-NA-ĐA

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Ca-na-đa, những người ký dưới đây đã thỏa thuận những quy định sau sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

1/ Hai bên đã thống nhất với nhau rằng thuật ngữ "đối tượng" cũng sẽ gồm cả một di sản hay quỹ tín thác.

2/ Hai bên đã thỏa thuận rằng thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết"cũng sẽ bao gồm Chính phủ của Nước đó hay cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó hay bất cứ tổ chức hay bộ phận nào của Chính phủ hay của các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương nói trên.

3/ Không nội dung nào tại Hiệp định sẽ được giải thích là cản trở việc:

a) Ca-na-đa đánh vào thu nhập của một công ty phân bổ cho một cơ sở thường trú tại Ca-na-đa một khoản thuế bổ sung vào khoản thuế có thể phải nộp trên thu nhập của một công ty là đối tượng mang quốc tịch của Ca-na-đa, với điều kiện bất kỳ khoản thuế bổ sung nào được tính như vậy sẽ không vượt quá 5 phần trăm tổng số khoản thu nhập đó và chưa bị đánh thuế bổ sung trong các năm thuế trước. Quy định này cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản tại Ca-na-đa do một công ty tiến hành kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản nhận được, cho dù công ty đó có hay không có cơ sở thường trú tại Ca-na-đa nhưng chỉ trong phạm vi mà các khoản thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Ca-na-đa theo các quy định của Điều 6 hay khoản 1 Điều 13;

b) Việt nam đánh thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, với điều kiện là thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi nhuận được chuyển.

4/ Các quy định của Hiệp định này sẽ không được hiểu là cản trở dưới bất kỳ hình thức nào đến miễn thuế, miễn thu, khấu trừ hay giảm thuế khác được ghi:

a) trong các luật của một Nước ký kết trong việc xác định thuế do Nước đó tính; hay

b) trong bất kỳ Hiệp định nào khác do một Nước ký kết thi hành.

5/ Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ được giải thích là cản trở một Nước ký kết trong việc đánh thuế trên các khoản tiền nằm trong thu nhập của một đối tượng cư trú của Nước đó, thu từ một tổ chức hùn vốn, quỹ tín thác hay các công ty con ở nước ngoài chịu sự kiểm soát mà đối tượng đó được hưởng lợi. Theo nghĩa của khoản này, thuật ngữ "công ty con ở nước ngoài chịu sự kiểm soát" của một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, trong bất kỳ thời điểm nào, có nghĩa là một công ty con ở nước ngoài của đối tượng cư trú đó, tại thời điểm đã nêu, chịu sự kiểm soát của:

a) đối tượng cư trú đó;

b) đối tượng cư trú đó và không quá 4 đối tượng khác là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó;

c) không quá 4 đối tượng cư trú của Nước ký kết đó, ngoài đối tượng cư trú đó;

d) một đối tượng hay nhiều đối tượng mà những đối tượng này và đối tượng cư trú đó không giao dịch với nhau theo nguyên tắc giao dịch độc lập; hoặc

e) đối tượng cư trú đó và một hay nhiều đối tượng mà những đối tượng này và đối tượng cư trú đó không giao dịch với nhau theo nguyên tắc giao dịch độc lập.

6/ Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với bất kỳ công ty nào và cũng không áp dụng đối với thu nhập do một cổ đông của công ty đó nhận được từ công ty, quỹ tín thác hay tổ chức hùn vốn là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và thực sự do một hay nhiều đối tượng không là đối tượng cư trú của Nước đó sở hữu hay kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp, nếu như số thuế do Nước đó tính trên thu nhập hay vốn của công ty, quỹ tín thác hay tổ chức hùn vốn đó thấp hơn nhiều so với số thuế có thể bị Nước đó tính nếu tất cả cổ phần trong vốn cổ phần của công ty hay tất cả lợi tức trong một tổ chức hùn vốn hay quỹ tín thác, tùy từng trường hợp, do một hay nhiều cá nhân là đối tượng cư trú của Nước đó sở hữu thực sự.

7/ Hai bên đã thống nhất rằng các quy định tại Điều 23 của Hiệp định sẽ không áp dụng đối với hình thức thuế của Việt nam đối với tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

8/ Mặc dù có sự tham gia của các Nước ký kết vào các Hiệp định quốc tế, các Nước ký kết, trong mối liên hệ về thuế, sẽ bị điều chỉnh bởi các quy định của Hiệp định này.

9/ Nếu, sau ngày ký kết Hiệp định này, Việt nam ký một Hiệp định song phương về tránh đánh thuế hai lần với bất kỳ một Nước thành viên khác của Tổ chức Hợp tác và Pháp triển Kinh tế và, theo các quy định của Hiệp định đó, Việt nam có thể đánh thuế tiền bản quyền phát sinh tại Việt nam và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước đó nhưng thuế được tính khi đó không vượt quá tỷ lệ phần trăm tổng số tiền bản quyền mà thấp hơn tỷ lệ phần trăm được ghi tại điểm a) khoản 2 Điều 12, khi đó tỷ lệ thấp hơn sẽ được áp dụng kể từ ngày Hiệp định đó có hiệu lực; tuy nhiên tỷ lệ thấp hơn đó sẽ chỉ áp dụng với tiền bản quyền được quy định tại Hiệp định đó và chỉ khi các khoản thanh toán cho việc sử dụng hay quyền sử dụng phần mềm máy tính hay, khi đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng tiền bản quyền không phải là những đối tượng có liên quan, cho việc sử dụng hay quyền sử dụng bất kỳ bằng phát minh hay cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hay khoa học (nhưng không bao gồm bất kỳ thông tin nào được cung cấp liên quan đến thỏa thuận cho thuê hay cho phép sử dụng).

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư được làm thành hai bản tại .Hà.Nội..... ngày ...14...tháng...11....năm một nghìn chín trăm chín mươi...bảy... bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị ngang nhau.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

TM.CHÍNH PHỦ
CA-NA-ĐA

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF CANADA

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Canada,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

Article 1

Personal Scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

Article 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of each Contracting State, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

(a) in the case of Vietnam:

(i) the personal income tax;

(ii) the profit tax;

(iii) the profit remittance tax;

(hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

(b) in the case of Canada:

the income taxes imposed by the Government of Canada under the Income Tax Act;

(hereinafter referred to as "Canadian tax").

4. The Agreement shall apply also to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of the Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

Article 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam and, when used in a geographical sense, it means the territory of Vietnam, including:

(i) any area beyond the territorial seas of Vietnam which, in accordance with international law and the laws of Vietnam, is an area within which Vietnam may exercise rights with respect to the seabed and subsoil and their natural resources;

(ii) the seas and airspace above every area referred to in subparagraph (i) in respect of any activity carried on in connection with the exploration for or the exploitation of the natural resources referred to therein;

(b) the term "Canada" used in a geographical sense, means the territory of Canada, including:

(i) any area beyond the territorial seas of Canada which, in accordance with international law and the laws of Canada, is an area within which Canada may exercise rights with respect to the seabed and subsoil and their natural resources;

(ii) the seas and airspace above every area referred to in subparagraph (i) in respect of any activity carried on in connection with the exploration for or the exploitation of the natural resources referred to therein;

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean, as the context requires, Vietnam or Canada;

(d) the term "person" includes an individual, a company, a partnership and any other body of persons;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "national" means:

(i) any individual possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) any legal person, partnership and association deriving its status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or the Minister's authorised representative;

(ii) in the case of Canada, the Minister of National Revenue or the Minister's authorised representative;

(i) the term "international traffic" means any voyage of a ship or aircraft to transport passengers or property except where the principal purpose of the voyage is to transport passengers or property between places within a Contracting State.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State at any time, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has at that time under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

Article 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration, place of incorporation or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a company is a resident of both Contracting States, then its status shall be determined as follows:

(a) it shall be deemed to be a resident of the State of which it is a national;

(b) if it is a national of neither of the States, it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of effective management is situated.

4. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual or a company is a resident of both Contracting States, the competent authorities of the

Contracting States shall by mutual agreement endeavour to settle the question and to determine the mode of application of the Agreement to such person.

Article 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;

(b) a branch;

(c) an office;

(d) a factory;

(e) a workshop; and

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place relating to the exploration for or the exploitation of natural resources.

3. The term "permanent establishment" shall likewise encompasses:

(a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

(b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise of a Contracting State through employees or other personnel in the other Contracting State, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any twelve month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in subparagraphs (a) to (e) provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such person:

(a) has, and habitually exercises, in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

(b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, an insurance enterprise of a Contracting State shall, except in regard to re-insurance, be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it collects premiums in the territory of that other State or insures risks situated therein through a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies.

7. An enterprise of a Contracting State shall not be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State merely because it carries on business in that other State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, or merely because it maintains in that other State a stock of goods or merchandise with an agent of an independent status from which deliveries are made by that agent, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. For the purposes of this Agreement, the term "immovable property" shall have the meaning which it has under the taxation law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property and to income from the alienation of such property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on or has carried on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deduction expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than as a reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Nothing in this Article shall affect the application of any law of a Contracting State relating to the determination of the tax liability of a person in cases where the information available to the competent authority of that State is inadequate to determine

the profits to be attributed to a permanent establishment, provided that that law shall be applied, so far as the information available to the competent authority permits, consistently with the principles contained in this Article.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

7. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

8. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1 and of Article 7, profits derived by an enterprise of a Contracting State from a voyage of a ship or aircraft where the principal purpose of the voyage is to transport passengers or property between places in the other Contracting State may be taxed in that other State.

3. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

4. For the purposes of this Article, profits from the operation of ships or aircraft in international traffic include:

(a) income from the rental on a bareboat basis of ships or aircraft; and

(b) profits from the use, maintenance or rental of containers (including trailers and related equipment for the transport of containers) used for the transport of goods or merchandise,

where such rental, use or maintenance, as the case may be, is incidental to the operation of ships or aircraft in international traffic.

Article 9

Associated Enterprises

1. Where:

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any income which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the income of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the income of an enterprise of that State - and taxes accordingly - income on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the income so included is income which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State shall make an appropriate adjustment to the amount of tax charged therein on that income. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall if necessary consult each other.

3. A Contracting State shall not change the income of an enterprise in the circumstances referred to in paragraph 1 after the expiry of the time limits provided in its national laws and, in any case, after five years from the end of the year in which the income which would be subject to such change would, but for the conditions referred to in paragraph 1, have accrued to that enterprise.

4. The provisions of paragraphs 2 and 3 shall not apply in the case of fraud, wilful default or neglect.

Article 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed:

(a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company that controls at least 70 per cent of the voting power in the company paying the dividends;

(b) 10 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company that controls at least 25 per cent but less than 70 per cent of the voting power in the company paying the dividends; and

(c) 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

The provisions of this paragraph shall not affect the taxation of the company on the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, "jouissance" shares or "jouissance" rights, mining shares, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraph 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

Article 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2:

(a) interest arising in a Contracting State and paid in respect of indebtedness of the Government of that State or of a political subdivision or local authority thereof shall, provided that the interest is beneficially owned by a resident of the other Contracting State, be taxable only in that other State;

(b) interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State shall be taxable only in that other State if it is paid in respect of a loan made, guaranteed or insured, or a credit extended, guaranteed or insured by any institution, the capital of which is wholly owned by the Government of that other Sate, which is specified and agreed in letters exchanged between the competent authorities of the Contracting States.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures, as well as income which is subjected to the same taxation treatment as income from money lent by the laws of the State in which the income arises. However, the term "interest" does not include income dealt with in Article 10.

5. The provisions of paragraph 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base

situated therein, and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 12

Royalties and Fees for Technical Services

1. Royalties and fees for technical services arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such royalties and fees for technical services may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties or of the fees for technical services the tax so charged shall not exceed:

(a) in the case of royalties 10 per cent of the gross amount of such royalties,

(b) in the case of fees for technical services 7.5 per cent of the gross amount of such fees.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work (including payments of any kind in respect of motion picture films and works on film, tape or other means of reproduction for radio or television broadcasting), any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The term "fees for technical services" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than payments to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a managerial, technical or consultancy nature rendered in the Contracting State of which the payer is a resident.

5. The provisions of paragraph 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties or fees for technical services, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties or fees for technical services arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right, property or contract in respect of which the royalties or fees for technical services are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Royalties or fees for technical services shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties or fees for technical services, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the obligation to make the payment was incurred, and such royalties or fees for technical services are borne by that permanent establishment or fixed base, then such royalties or fees for technical services shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties or fees for technical services paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 13

Capital Gains

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such a fixed base may be taxed in that other State.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in that State.

4. Gains from the alienation of shares of a company that is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

5. Gains from the alienation of any property, other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3 and 4 may be taxed in both Contracting States in accordance with the respective laws of those States.

Article 14

Independent Personal Services

1. Income derived by an individual who is a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State unless he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities. If he has or had such a fixed base, the income may be taxed in the other State but only so much of it as is attributable to that fixed base.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

Article 15

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18 and 19, salaries, wages and other remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the fiscal year concerned, and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State, shall be taxable only in that State unless the remuneration is derived by a resident of the other Contracting State.

Article 16

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State, may be taxed in that other State.

Article 17

Artistes and Sportsmen

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. The provisions of paragraph 2 shall not apply if it is established that neither the entertainer or the sportsman nor persons related thereto, participate directly or indirectly in the profits of the person referred to in that paragraph.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply to income derived from activities performed in a Contracting State by a resident of the other Contracting State in the context of a visit in the first-mentioned State of a non-profit organisation of the other State, provided the visit is substantially supported by public funds.

Article 18

Pensions and Annuities

1. Pensions and annuities arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Pensions arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may also be taxed in the State in which they arise and according to the law of that State. However, in the case of periodic pension payments, other than payments under the social security legislation in a Contracting State, the tax so charged shall not exceed 15 per cent of the gross amount of the payment

3. Annuities arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may also be taxed in the State in which they arise and according to the law of that State.

4. Notwithstanding anything in this Agreement, alimony and other similar payments arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State who is subject to tax therein in respect thereof, shall be taxable only in that other State.

Article 19

Government Service

1. (a) Salaries, wages and similar remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority in any other State shall be taxable only in the first-mentioned State.

(b) However, such salaries, wages or similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or

(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to remuneration in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

Article 20

Students

Payments which a student, apprentice or business trainee who is, or was immediately before visiting a Contracting State, a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

Article 21

Other Income

1. Subject to the provisions of paragraph 2, items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. However, if such income is derived by a resident of a Contracting State from sources in the other Contracting State, such income may also be taxed in the State in which it arises, and according to the law of that State. Where such income is income from an estate or a trust, other than a trust to which contributions were deductible, the tax so charged shall, provided that the income is taxable in the Contracting State in which the beneficial owner is a resident, not exceed 15 per cent of the gross amount of the income.

Article 22

Elimination of Double Taxation

1. In the case of Vietnam, double taxation shall be avoided as follows: where a resident of Vietnam derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Canada, Vietnam shall allow as a deduction from the tax on the income of that resident an amount equal to the income tax paid in Canada. Such deduction shall not, however, exceed that part of the income tax, as computed before the deduction is given, which is attributable to the income which may be taxed in Canada.

2. In the case of Canada, double taxation shall be avoided as follows:

(a) subject to the existing provisions of the law of Canada regarding the deduction from tax payable in Canada of tax paid in a territory outside Canada and to any subsequent modification of those provisions -- which shall not affect the general principle hereof -- and unless a greater deduction or relief is provided under the laws of Canada, tax payable in Vietnam on profits, income or gains arising in Vietnam shall be deducted from any Canadian tax payable in respect of such profits, income or gains;

(b) subject to the existing provisions of the law of Canada regarding the taxation of income from a foreign affiliate and to any subsequent modification of those provisions -- which shall not affect the general principle hereof -- for the purpose of computing Canadian tax, a company which is a resident of Canada shall be allowed to deduct in computing its taxable income any dividend received by it out of the exempt surplus of a foreign affiliate which is a resident of Vietnam; and

(c) where, in accordance with any provision of the Agreement, income derived by a resident of Canada is exempt from tax in Canada, Canada may nevertheless, in calculating the amount of tax on other income, take into account the exempted income.

The term "exempt surplus" shall have the meaning that it has under the Income Tax Act of Canada.

3. For the purpose of subparagraph (a) of paragraph 2, tax payable in Vietnam by a company engaged primarily in the manufacturing or natural resources sector which is a resident of Canada in respect of:

(a) interest, other than interest which is exempted in Vietnam in accordance with paragraph 3 of Article 11, or

(b) payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any patent, design or model, plan, secret formula or process, or for information concerning industrial or scientific experience,

paid by a company engaged primarily in the same sector which is a resident of Vietnam shall be deemed to have been paid at the rate of 10 per cent of the gross amount of the payment. The provisions of this paragraph shall apply for the first five years for which the Agreement is effective, but the competent authorities of the Contracting States may consult with each other to determine whether this period shall be extended.

4. For the purposes of subparagraph (a) of paragraph 2, tax payable in Vietnam by a company which is a resident of Canada in respect of profits attributable to manufacturing activities or to the exploration or exploitation of natural resources carried on by it in Vietnam shall be deemed to include any amount which would have been payable thereon as Vietnamese tax for any year but for an exemption from, or reduction of, tax granted for that year or any part thereof under specific provisions of Vietnamese legislation and provided always that the competent authority of Vietnam has certified that any such exemption from or reduction of Vietnamese tax given under these provisions has been granted in order to promote economic development in Vietnam. Relief from Canadian tax by virtue of this paragraph shall be given for a period of ten years only, beginning with the date on which the Agreement entered into force.

5. For the purposes of this Article, profits, income or gains of a resident of a Contracting State that may be taxed in the other Contracting State in accordance with this Agreement shall be deemed to arise from sources in that other State.

Article 23

Non-Discrimination

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities.

3. Nothing in this Article shall be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

4. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of a third State, are or may be subjected.

5. In this Article, the term "taxation" means taxes which are the subject of this Agreement.

Article 24

Mutual Agreement Procedure

1. Where a person considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, address to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident an application in writing stating the grounds for claiming the revision of such taxation. To be admissible, the said application must be submitted within two years from the first notification of the action which gives rise to taxation not in accordance with the Agreement.

2. The competent authority referred to in paragraph 1 shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation not in accordance with the Agreement.

3. A Contracting State shall not, after the expiry of the time limits provided in its national laws and, in any case, after five years from the end of the taxable period in which the income concerned has accrued, increase the tax base of a resident of either of the Contracting States by including therein items of income which have also been charged to tax in the other Contracting State. This paragraph shall not apply in the case of fraud, wilful default or neglect.

4. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement.

5. The competent authorities of the Contracting States may consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement and may communicate with each other directly for the purpose of applying the Agreement.

Article 25

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Article 1. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement in respect of, or the determination of appeals in relation to taxes. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. Nothing in paragraph 1 shall be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

(a) to carry out administrative measures at variance with the laws or the administrative practice of that or of the other Contracting State;

(b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy (ordre public).

3. If information is requested by a Contracting State in accordance with this Article, the other Contracting State shall endeavour to obtain the information to which the request relates in the same way as if its own taxation were involved notwithstanding the fact that the other State does not, at that time, need such information. If specifically requested by the competent authority of a Contracting State, the competent authority of the other Contracting State shall endeavour to provide information under this Article in the form requested, such as depositions of witnesses and copies of unedited original documents (including books, papers, statements, records, accounts or writings), to the same extent

such depositions and documents can be obtained under the laws and administrative practices of that other State with respect to its own taxes.

Article 26

Diplomatic Agents and Consular Officers

1. Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

2. Notwithstanding Article 4, an individual who is a member of a diplomatic mission, consular post or permanent mission of a Contracting State which is situated in the other Contracting State or in a third State shall be deemed for the purposes of the Agreement to be a resident of the sending State if he is liable in the sending State to the same obligations in relation to tax on his total income as are residents of that sending State.

3. The Agreement shall not apply to international organisations, to organs or officials thereof and to persons who are members of a diplomatic mission, consular post or permanent mission of a third State or group of States, being present in a Contracting State and who are not liable in either Contracting State to the same obligations in relation to tax on their total income as are residents thereof.

Article 27

Entry into Force

1. Each of the Contracting States shall notify the other Contracting State of the completion of the procedures required by the laws of the respective Contracting State for bringing into force this Agreement. This agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications.

2. The provisions of the Agreement shall have effect:

(a) in respect of tax withheld at the source on amounts paid or credited to non-residents on or after the first day of January in the calendar year following that in which the Agreement enters into force; and

(b) in respect of other taxes for taxation years beginning on or after the first day of January in the calendar year following that in which the Agreement enters into force.

Article 28

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting State. Either Contracting State may terminate the Agreement, through the diplomatic channel, by giving to the other Contracting State a written notice of termination on or before June 30 in any calendar year from the fifth year after the year in which the Agreement entered into force. In such event, the Agreement shall cease to have effect:

(a) in respect of tax withheld at the source on amounts paid or credited to non-residents on or after the first day of January of the calendar year following that in which the notice of termination is given; and

(b) in respect of other taxes for taxation years beginning on or after the first day of January of the calendar year following that in which the notice of termination is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorised thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Hanoi, this 14th day of november of the year one thousand nine hundred and ninety-seven.

in the Vietnamese, French and English languages, each version being equally authentic.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF CANADA

PROTOCOL

At the moment of signing the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Canada for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income, the undersigned have agreed that the following provisions shall form an integral part of the Agreement.

1. It is understood that the term "person" also includes an estate and a trust.

2. It is understood that the term "resident of a Contracting State" also includes the Government of that State or a political subdivision or local authority thereof or any agency or instrumentality of any such government, subdivision or authority.

3. Nothing in the Agreement shall be construed as preventing:

(a) Canada State from imposing on the earnings of a company attributable to a permanent establishment in Canada, a tax in addition to the tax which would be chargeable on the earnings of a company which is a national of Canada, provided that any additional tax so imposed shall not exceed 5 per cent of the amount of such earnings which have not been subjected to such additional tax in previous taxation years. This provision shall also apply with respect to earnings derived from the alienation of immovable property in Canada by a company carrying on a trade in immovable property, whether or not it has a permanent establishment in Canada, but only insofar as these earnings may be taxed in Canada under the provisions of Article 6 or paragraph 1 of Article 13;

(b) Vietnam from imposing the Vietnamese profit remittance tax, provided that the tax so imposed shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the profits remitted.

4. The provisions of the Agreement shall not be construed to restrict in any manner any exemption, allowance, credit or other deduction accorded:

(a) by the laws of a Contracting State in the determination of the tax imposed by that State; or

(b) by any other agreement entered into by a Contracting State.

5. Nothing in the Agreement shall be construed as preventing a Contracting State from imposing a tax on amounts included in the income of a resident of that State with respect to a partnership, trust, or controlled foreign affiliate, in which he has an interest. For the purposes of this paragraph, the term "controlled foreign affiliate", at any time, of a person that is a resident of a Contracting State, means a foreign affiliate of that resident that was, at that time controlled by

(a) that resident;
(b) that resident and not more than four other persons resident in that Contracting State;
(c) not more than four persons resident in that Contracting State, other than that resident;
(d) a person or persons with whom that resident does not deal at arm's length, or
(e) that resident and a person or persons with whom the resident does not deal at arm's length.

6. The Agreement shall not apply to any company nor to income derived from such company by a shareholder thereof, trust or partnership that is a resident of a Contracting State and is beneficially owned or controlled directly or indirectly by one or more persons who are not residents of that State, if the amount of the tax imposed on the income or capital of the company, trust or partnership by that State is substantially lower than the amount that would be imposed by that State if all of the shares of the capital stock of the company or all of the interests in the trust or partnership, as the case may be, were beneficially owned by one or more individuals who were residents of that State.

7. It is understood that the provisions of Article 23 of the Agreement shall not apply to the Vietnamese taxation of natural resources and agricultural production activities.

8. Irrespective of the participation of the Contracting States in international agreements, the Contracting States in their tax relations will be governed by the provisions of this Agreement.

9. If, after the date of signature of this Agreement, Vietnam concludes a bilateral Agreement for the avoidance of double taxation with any other member State of the Organisation for Economic Co-operation and Development and, under the provisions of that Agreement, Vietnam may tax royalties arising in Vietnam and paid to a resident of that State but the tax charged is not to exceed a percentage of the gross amount of the royalties which is lesser than the percentage specified in subparagraph (a) of paragraph 2

of Article 12, then the lower percentage shall apply from the date of entry into force of that Agreement; however such lower percentage shall apply only to royalties to which it applies in that Agreement and only where the payments are for the use of, or the right to use, computer software or, where the payer and the beneficial owner of the royalties are not related persons, for the use of, or the right to use, any patent or for information concerning industrial, commercial or scientific experience (but not including any such information provided in connection with a rental or franchise agreement).

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorised thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at Hanoi, this 14th day of november of the year one thousand nine hundred and ninety- seven.

in the Vietnamese, French and English languages, each version being equally authentic.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF CANADA

BỘ NGOẠI GIAO

Số: /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
(Để thực hiện)

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 1999

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Đỗ Hoà Bình

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Bộ Tài chính,
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tư pháp,
- Tổng cục Hải quan,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Canada,
- Vụ Châu Mỹ,
- Vụ TH Kinh tế,
- Vụ LPQT,
- Lưu trữ.

(13b)

Ghi chú : *Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Ca-na-da về tránh đánh thuế 2 lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập* bắt đầu có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 1998.

Xerox